TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22 -10 - 2021.
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh.

2. Ông Nguyễn Hồng Thơ.

Thư ký phiên toà: Bà Ong Thị Ngọc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 46/TB – TA ngày 13 tháng 7 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 32/TB – TA ngày 28 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: số nhà 95 - 243, tổ 1, khóm Thuận T, phường Hòa T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: số nhà 95 - 243, tổ 1, khóm Thuận T, phường Hòa T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa A ngày 27/12/2002. Cuộc hôn nhân ban đầu hạnh

phúc, khoảng năm 2016 gia đình xảy ra mâu thuẫn do không có tiếng nói chung. Anh H thường xuyên bỏ bê gia đình và đi biệt tăm không về địa phương và không liên lạc với gia đình. Hiện nay anh H đã quay về và mâu thuẫn gia đình vẫn không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Tình cảm gia đình không thể hàn gắn, nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị T với anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 19/01/1995 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/01/2001. Hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn H. Tuy nhiên, anh H từ chối nhận văn bản của Tòa án, vắng mặt trong quá trình Tòa án thực hiện các giai đoạn tố tụng. Đồng thời anh H cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của chị T nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn. Bị đơn anh Trần Văn H có địa chỉ tại phường Hòa T, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn H tại địa chỉ nêu trên nhưng anh H từ chối nhận văn bản tố tụng, không có văn bản ý kiến và vắng mặt đến lần thứ 2 trong quá trình tố tụng và phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy T về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy: chị T và anh H kết hôn và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa A, thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh) cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H.

Tại phiên tòa, chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh H là do vào khoảng năm 2016, anh H thường bỏ gia đình đi không biết đi đâu, làm gì, một thời gian lại quay về. Chị T nhiều lần khuyên nhưng anh H vẫn không cải

thiện. Anh H không chăm lo cho gia đình và thời gian anh H trở về, chị và anh H không còn chung sống với nhau. Từ khi chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn, chị và anh H không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Hiện nay, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T không còn muốn hàn gắn tình cảm với anh H và chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh H.

Đối với anh H, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H, có văn bản yêu cầu anh H thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị T nhưng anh H từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Điều này thể hiện, anh H mặc dù biết việc chi T yêu cầu ly hôn và Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng anh H cũng không đến Tòa, không có ý kiến hoặc thể hiện thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình với chị T. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị T với anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị T với anh H có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 19/01/1995 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/01/2001. Hiện con chung đã trưởng thành. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy T. Chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Chị T với anh H có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị

Thùy T, sinh ngày 19/01/1995 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/01/2001. Hiện con chung đã trưởng thành. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007946 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Chị Nguyễn Thị Thùy T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Mỹ Như

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Văn Hải - Nguyễn Đình Đoan Hùng	**Phạm Mỹ Như**